

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025 - 2026
ĐỘ TUỔI 3 – 4 TUỔI

I. MỤC TIÊU, NỘI DUNG

TT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	Chủ đề thực hiện	Điều chỉnh bổ sung
1. Lĩnh vực giáo dục phát triển thể chất				
a) Phát triển vận động				
1	Trẻ thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn.	- Hô hấp: Hít vào, thở ra. - Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên. + Co và duỗi tay, bắt chéo 2 tay trước ngực. - Lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước. + Quay sang trái, sang phải. + Nghiêng người sang trái, sang phải. - Chân: + Bước lên phía trước, bước sang ngang; ngồi xổm; đứng lên; bật tại chỗ. + Co duỗi chân	1->9	
2	Trẻ có thể giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: ` Đi hết đoạn đường hẹp (3m x 0,2m). ` Đi kiễng gót liên tục 3m.	` Đi kiễng gót. (1,8)</li> <li>` Đi trong đường hẹp. (2,6)	1,2,3,4,6,7,8,9	
3	Trẻ có thể kiểm soát được vận động: ` Đi/chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh. ` Chạy liên tục trong đường dích dắc (3-4 điểm dích dắc) không chệch ra ngoài.	` Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. (4,9)</li> <li>` Đi thay đổi hướng (theo đường dích dắc; dích dắc (đổi hướng) theo vật chuẩn; hướng, dích dắc theo hiệu lệnh). (5) ` Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. (3)</li> <li>` Chạy thay đổi hướng (theo đường dích dắc; dích dắc (đổi hướng) theo vật chuẩn; thay đổi hướng theo hiệu lệnh) (8)	3,4,5,6,9	
4	Trẻ có thể phối hợp tay-mắt trong vận động:	` Tung bắt bóng (với cô; với người đối diện) (9)	1,6,7,9	

	- Tung bắt bóng với cô: bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 2,5 m). - Tự đập - bắt bóng được 3 lần liên (đường kính bóng 18cm).	- Lăn bóng với cô. (1) - Đập bắt bóng với cô. (6,7)		
5	Trẻ biết thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: - Chạy được 15 m liên tục theo hướng thẳng. - Ném trúng đích ngang (xa 1,5 m). - Bò trong đường hẹp (3 m x 0,4 m) không chệch ra ngoài.	- Chạy 15m liên tục theo hướng thẳng(7,9); - Bò theo hướng thẳng (1,8); bằng bàn tay và bàn chân (3-4m) (1,8) - Bò theo đường đích dắc (5) - Bò chui qua cổng. (5,7) - Trườn về phía trước. (4,8) - Trườn theo hướng thẳng. (2,6,9) - Ném xa bằng 1 tay. (3,7) - Bước lên, xuống bậc cao 30cm. (6) - Ném trúng đích bằng 1 tay (Đích ngang). (4,6,7,9) - Bật về phía trước (2,3,7); liên tục về phía trước; liên tục vào vòng) (2) - Bật xa (20 - 25cm) (4,8,9) - Bật tại chỗ. (5,6,8) - Chuyển bắt bóng 2 bên theo hàng ngang (5), hàng dọc. (9)	1->9	
6	Trẻ thực hiện được các vận động: - Xoay tròn cổ tay. - Gập, đan ngón tay vào nhau	- Gập, đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay, cổ tay, cuộn cổ tay. - Đan, tết.	1,2,4,5	
7	Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động. - Vẽ được hình tròn theo mẫu. - Cắt thẳng được một đoạn 10cm. - Xếp chồng 8-10 khối không đổ. - Tự cài, cởi cúc.	- Xé, tô - Cài, cởi cúc - Vẽ (nguyệt ngoạc; hình) - Xếp chồng các hình khối khác nhau (1->9) - Xé dán giấy. - Sử dụng kéo, bút.	1->9	
b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe				
8	Trẻ có thể nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật	Nhận biết một số thực phẩm (quen thuộc; thông thường trong các nhóm thực	1,2	

	hoặc tranh ảnh (thịt, cá, trứng, sữa, rau...).	phẩm (Trên tháp dinh dưỡng)		
9	Trẻ có khả năng biết tên một số món ăn hàng ngày: trứng rán, cá kho, canh rau...	` Nhận biết một số món ăn quen thuộc.	3,5	
10	Trẻ biết ăn để chóng lớn, khoẻ mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.	` Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. ` Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...).	2,6	
11	Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn: ` Rửa tay, lau mặt, súc miệng. ` Tháo tất, cởi quần, áo....	` Làm quen cách/tập/tập luyện kỹ năng: đánh răng, lau mặt. ` Tập/rèn luyện tạo tác/tập luyện kỹ năng: rửa tay bằng xà phòng. ` Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh.	1,2,3,4	
12	` Trẻ biết sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách.	` Tập/ luyện kỹ năng sử dụng đồ dùng ăn uống	1,2	
13	Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: Uống nước đã đun sôi...	` Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe.	2,6	
14	Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: ` Chấp nhận: Vệ sinh răng miệng, đội mũ ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học. ` Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu.	` Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người. ` Nhận biết một số biểu hiện khi ốm (Cách phòng tránh đơn giản) ` Nhận biết trang phục theo thời tiết.	2,4,5,8	
15	Trẻ nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm (bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng...) khi được nhắc nhở	` Nhận biết và phòng tránh những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng.	2,3	
16	Trẻ biết tránh nơi nguy hiểm (Hồ ao, bể chứa nước, giếng, hố vôi...) khi được nhắc nhở.	` Nhận biết và phòng tránh những nơi không an toàn đến tính mạng.	1,8	

17	Trẻ biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở: ` Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt...</li> <li>` Không tự lấy thuốc uống. ` Không leo trèo bàn ghế, lan can.</li> <li>` Không nghịch các vật sắc nhọn. ` Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp.	` Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm đến tính mạng.	1,3,7	
2. Lĩnh vực phát triển nhận thức				
a) Khám phá khoa học				
18	Trẻ quan tâm, hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi, như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng; hay đặt câu hỏi về đối tượng.	` Chức năng các giác quan và bộ phận khác của cơ thể.</li> <li>` Đặc điểm nổi bật đồ dùng, đồ chơi ` Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây gần gũi	6,8	
19	Trẻ biết sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: nhìn, nghe, ngửi, sờ,.. để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng.	` Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây.</li> <li>` Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi. ` Tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc.	1,2,3,5,6,7,8	
20	Trẻ có thể làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng. Ví dụ: Thả các vật vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi.	` Đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc.</li> <li>` Hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ.	6,8	
21	Trẻ có khả năng thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng.	` Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm.</li> <li>` Một số nguồn nước trong sinh hoạt hàng ngày. ` Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hàng ngày	1,3,5,6,7,8	
22	Trẻ có thể mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo.		1,3,5,6,7,8	
23	Trẻ có thể phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật.	` Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo một dấu hiệu nổi bật	1,3,5	

24	Trẻ có thể nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi.	` Mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng.	5,6,8	
25	Trẻ thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình...	Thực hiện thông qua các nội dung giáo dục của hoạt động vui chơi, âm nhạc, tạo hình.	1,5	
<i>b) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán</i>				
26	Trẻ quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.	` Đếm trên đối tượng trong phạm vi (5) và đếm theo khả năng. ` Xếp tương ứng 1 - 1, ghép đôi ` 1 và nhiều	1,3,4,5,9	
27	Trẻ có thể đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5			
28	Trẻ biết so sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.			
29	Trẻ biết gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5.	` Gộp hai nhóm đối tượng và đếm. ` Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn.	3,4,5,9	
30	Trẻ biết tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành hai nhóm.			
31	Trẻ có thể nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại	` Xếp xen kẽ.	6	
32	Trẻ có thể so sánh 2 đối tượng về kích thước và nói được các từ: To hơn/nhỏ hơn; dài hơn/ngắn hơn; cao hơn/thấp hơn; bằng nhau.	` So sánh 2 đối tượng về kích thước.	6,7	
33	Trẻ có thể nhận dạng và gọi tên các hình: Tròn, vuông, tam giác, chữ nhật	` Nhận biết, gọi tên các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế. ` Sử dụng các hình hình học để ghép.	4,7	
34	Trẻ có thể sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí	` Nhận biết phía trên - phía dưới, phía trước - phía sau,	2	

	của đối tượng trong không gian và bản thân.	tay phải - tay trái của bản thân.		
c) Khám phá xã hội				
35	Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính (nam, nữ) của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	` Tên, tuổi, giới tính (nam, nữ) của bản thân.	2	
36	Trẻ nói được tên của bố, mẹ và các thành viên trong gia đình (Ông, bà, anh, chị, em...).	` Tên/họ tên, công việc/ngành nghiệp của bố mẹ; Các thành viên trong gia đình (Ông, bà, anh, chị, em...); Địa chỉ gia đình (bản,/xã)	3	
37	Trẻ nói được tên trường/lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	` Tên lớp mẫu giáo/địa chỉ của trường, lớp (bản, xã/tỉnh) ` Tên và công việc của cô giáo ` Tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp/Họ tên và một vài đặc điểm của các bạn/Đặc điểm (Béo, gầy, cao, thấp...), sở thích của các bạn; các hoạt động (ăn/ngủ/vệ sinh/chơi...) của trẻ ở trường	1	
38	Trẻ có thể kể tên và được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng...khi được hỏi, xem tranh.	` Tên gọi, sản phẩm và ích lợi của một số nghề phổ biến.	4	
39	Trẻ có thể kể tên một số lễ hội: (ngày khai giảng, tết Trung Thu, tết lúa mới, tết khau hó, ném còn) qua trò chuyện, tranh ảnh.	` Cờ tổ quốc, tên của di tích lịch sử, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội của địa phương.	1,2,4,5,6,7,9	
40	Trẻ có thể kể tên một vài danh lam, thắng cảnh ở địa phương (Khu du lịch sinh thái Him Lam)....		9	
3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ				
41	Trẻ thực hiện được yêu cầu đơn giản, ví dụ "Cháu hãy lấy quả bóng, ném vào rổ"	` Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản	4	
42	Trẻ có thể hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi; quần áo, đồ chơi, hoa, quả; Đồ dùng vật dụng gần gũi	` Hiểu các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng, gần gũi, quen thuộc	1,3, 5,6,7	

	trong gia đình ở địa phương...			
43	Trẻ có thể lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại.	Trả lời và đặt các câu hỏi: "Ai?"; "Cái gì?"; "Ở đâu?"; "Khi nào?" Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng	3,6,7,8	
44	Trẻ nói rõ các tiếng	Phát âm các tiếng (của tiếng	1->9	
45	Trẻ có thể sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...	việt; có chứa các âm khó; có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu)		
46	Trẻ có khả năng sử dụng được câu đơn, câu ghép.	Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn (câu đơn mở rộng: câu đơn ghép)	1->9	
47	Trẻ có thể kể lại được những sự việc đơn giản đã ra của bản thân như: Đi thăm ông bà, đi chơi, xem phim...	Kể lại sự việc đơn giản	6	
48	Trẻ đọc thuộc bài thơ, cao dao, đồng dao...	Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi. Đọc thơ, cao dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.	1->9	
49	Trẻ có thể kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn.	Kể lại một vài tình tiết truyện đã được nghe.	1->9	
50	Trẻ có khả năng bắt trước giọng nói của nhân vật trong truyện.	Đóng vai theo lời dẫn truyện của giáo viên	5,8	
51	Trẻ nói đủ nghe, không nói lí nhí.	Nói thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.	5	
52	Trẻ biết sử dụng các từ: "Vâng ạ" "Dạ"; "Thưa"...trong giao tiếp	Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép	1,4	
53	Trẻ có thể đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giở sách xem tranh.	Xem và đọc các loại sách khác nhau. Làm quen với cách đọc và viết tiếng việt: + Hướng đọc, viết: Từ trái sang phải, từ dòng trên	1,5,6,7,9	

		xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu ` Giữ gìn sách. ` Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem sách và đọc truyện.		
54	Trẻ có thể nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh.	` Mô tả sự vật, tranh ảnh/ hiện tượng (Có sự giúp đỡ)	3,4,5	
55	Trẻ thích vẽ, "Viết" nguệch ngoạc.	` Tiếp xúc với chữ, sách truyện.	7	
4. Lĩnh vực phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội				
56	Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính (nam, nữ), của bản thân.	` Tên, tuổi, giới tính	2	
57	Trẻ nói được điều bé thích, không thích.	` Những điều bé thích, không thích.	2	
58	Trẻ mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi.	Thực hiện thông qua các nội dung giáo dục khác.	5	
59	Trẻ cố gắng thực hiện công việc đơn giản khi được giao (Chia giấy vẽ, xếp đồ chơi...)			
60	Trẻ nhận ra cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, tranh ảnh.	` Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (Vui, buồn, sợ hãi, tức giận/ngạc nhiên/ xấu hổ) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói /tranh ảnh/ âm nhạc	2,3	
61	Trẻ biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận.	` Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động. ` Yêu mến bố, mẹ, anh, chị, em ruột	4,6	
62	Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ.	` Kính yêu Bác Hồ	9	
63	Trẻ thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ.			
64	Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi biết xếp, cất	` Một số quy định ở lớp và gia đình/và nơi công cộng . ` Nhận biết/ Phân biệt/Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi	1,3,7	

	đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ.	"đúng" - "Sai"; "Tốt" - "Xấu". ` Chờ đến lượt		
65	Trẻ biết chào hỏi và nói lời cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở.	` Cử chỉ, lời nói lễ phép (Chào hỏi, cảm ơn).	1,3	
66	Trẻ chú ý nghe khi cô, bạn nói	` Lắng nghe khi cô, bạn nói	1	
67	Trẻ biết cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ.	` Chơi hòa thuận với bạn.	4,8	
68	Trẻ thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây.	` Bảo vệ, chăm sóc con vật và cây cối.	5,6	
69	Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định.	` Giữ gìn vệ sinh môi trường.	1,6	
5. Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ				
70	Trẻ vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng	` Bộc lộ cảm xúc/ bộc lộ cảm xúc phù hợp/ thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gọi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.	6,8	
71	Trẻ vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.			
72	Trẻ chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc. thích nghe đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ; thích nghe kể câu chuyện.	` Nghe các bài hát, bản nhạc (nhạc thiếu nhi, dân ca)	1->9	
73	Trẻ biết hát tự nhiên, hát được giai điệu bài hát quen thuộc.	` Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát	1->9	
74	Trẻ có thể vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (Vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa).	` Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp ` Vận động đơn giản theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc.	1->9	
75	Trẻ có thể sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý.	` Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm.	1->9	

76	Trẻ có thể vẽ các nét thẳng, xiên, ngang tạo thành bức tranh đơn giản.	` Sử dụng một số kỹ năng/ sử dụng các kỹ năng/ phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo ra sản phẩm đơn giản/ có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét.	1->9	
77	Trẻ biết xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản.	` Sử dụng một số kỹ năng/ sử dụng các kỹ năng/ phối hợp các kỹ năng cắt, xé dán để tạo ra sản phẩm đơn giản/ có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét.	2,3,4,5,6,7,8,9	
78	Trẻ biết lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹp đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối.	` Sử dụng một số kỹ năng/ sử dụng các kỹ năng/ phối hợp các kỹ năng nặn để tạo ra sản phẩm đơn giản/ có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét	1->9	
79	Biết xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản.	` Sử dụng một số kỹ năng/ sử dụng các kỹ năng/ phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm đơn giản/ có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét	1->9	
80	Trẻ nhận xét được các sản phẩm tạo hình.	` Nhận xét sản phẩm tạo hình; nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét	7	
81	Trẻ có thể vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc.	` Vận động theo ý thích khi hát/ nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc.	4,6,9	
82	Trẻ có thể tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	` Tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích.	8	
83	Biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	` Đặt tên cho sản phẩm của mình.	3	

HIỆU TRƯỞNG
(Ký duyệt)

NGƯỜI LẬP KẾ HOẠCH

Lò Thị Nút

Quàng Thị Nhung